

PHỤ LỤC : DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Đính kèm Quyết định trúng thầu số: 654/QĐ-BVDL ngày 05/10/2021 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu : Mua sắm vật tư tiêu hao-hóa chất cho Bệnh Viện Da Liễu năm 2021)

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	1	CÔNG TY TNHH TM DV ANH SAN								
1	1	Eosin dạng bột	Eosin Y/ Eosin Yellowish	Chai	250	7,660,000	1,915,000,000	Scharlau	Tây Ban Nha	Chai/500g
2	2	Vaselin	Vaselin//Snow 4000A Petroleum jelly	Kg	7,800	63,800	497,640,000	Baykim	Thổ Nhĩ Kỳ	kg
		TỔNG CỘNG:				2 mặt hàng:	2,412,640,000			
	2	CÔNG TY CP BHYT BẢO THẠCH								
3	1	Bông Y tế thấm nước	Bông y tế 100gr	Gói	1,600	14,700	23,520,000	Bảo Thạch	Việt Nam	Gói/100gr
4	2	Bông y tế viên 1kg (1kg # 4762 viên)	Bông viên 500gr	Kg	200	157,500	31,500,000	Bảo Thạch	Việt Nam	Gói/500gr
5	3	Bông mỡ cuộn 15cm x 2,7m (Soffban 15cm x 2,7m)	Bông mỡ cuộn 0,15m x 2,7m	Cuộn	30	13,650	409,500	Bảo Thạch	Việt Nam	Gói/6 cuộn
6	4	Que gòn tiết trùng dài 15 cm	Que gòn tiết trùng	Cái	100,000	525	52,500,000	Bảo Thạch	Việt Nam	Gói/20 que
7	5	Que XN tiết trùng-Tăm quần bông Ø 5mm	Que xét nghiệm dài 15cm tiết trùng	Cái	180,000	252	45,360,000	Bảo Thạch	Việt Nam	Gói/100 que
8	6	Quần phẫu thuật	Quần phẫu thuật tiết trùng	Cái	3,000	11,550	34,650,000	Bảo Thạch	Việt Nam	Gói/1 cái
		TỔNG CỘNG:				6 mặt hàng:	187,939,500			
	3	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KHOA HỌC BIOMEDIC								
9	1	Hóa chất xét nghiệm phát hiện 13 tác nhân STD	PANA RealTyper STD	Test	9,600	432,200	4,149,120,000	Panagene	Hàn Quốc	Hộp/48 test
10	2	Hóa chất tách chiết DNA/RNA	PANAMAX TM Viral DNA/RNA Extraction Kit	Test	8,640	155,500	1,343,520,000	Panagene	Hàn Quốc	Hộp/432test

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
11	3	MicroAmp™ Optical Adhesive Film	MicroAmp™ Optical Adhesive Film	Hộp	12	3,404,500	40,854,000	Applied Biosystem/ Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Hộp/25 cái
12	4	MicroAmp™ Optical 96 WellReaction Plate	MicroAmp™ Optical 96 WellReaction Plate	Hộp	24	2,920,500	70,092,000	Applied Biosystem/ Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	Trung Quốc	Hộp /10đĩa
		TỔNG CỘNG:				4 mặt hàng:	5,603,586,000			
	4	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ PHÚ MỸ								
13	1	Test nhanh xét nghiệm HBsAg	Hepatitis B Virus Surface Antigen (HBsAg) Test	Test	1,000	15,550	15,550,000	Artron Laboratories Inc.	Canada	hộp/ 25Test
14	2	Que thử nước tiểu	Uricheck 11 Parameters	Que	12,000	5,574	66,888,000	VEDALAB	Pháp	Hộp/ 100 que
15	3	Dung dịch hóa chất phun sương khử khuẩn bề mặt, không khí	Zyto 12	Lít	500	1,195,000	597,500,000	Zyto LLC	Mỹ	can 5 lít
		TỔNG CỘNG:				3 mặt hàng:	679,938,000			
	5	CÔNG TY CPTM CÔNG VÀNG								
16	1	Hóa chất khử nhiễm/ khử khuẩn dụng cụ	Dung dịch tẩy rửa đa Enzyme Clean MIS	Can	5	1,800,000	9,000,000	Geringe-Steritec Products Mfg	Thụy Điển - Úc	Can 5L
17	2	Bộ kit xét nghiệm tầm soát ung thư cổ tử cung	Bộ kit xét nghiệm tầm soát ung thư cổ tử cung ThinPrep Pap Test	Kit	3600	380,000	1,368,000,000	Hologic	Mỹ	100 Kit/ Thùng
		TỔNG CỘNG:				2 mặt hàng:	1,377,000,000			

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
	6	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO								
18	1	Băng vải cuộn 0,07m x 2,5m	Băng cuộn 7cm x 2.5m, KVT (100 cuộn/gói) (Danameco, VN)	Cuộn	10,000	1,025	10,250,000	Danameco	Việt Nam	Gói 100 cuộn
19	2	Gạc không tiết trùng 10x10x6 lớp	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 6 lớp, KVT (100 cái/khối) (Danameco, VN)	Miếng	200,000	429	85,800,000	Danameco	Việt Nam	Gói 100 miếng
20	3	Gạc tiết trùng 10x10x6 lớp	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 6 lớp, VT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	Miếng	500,000	476	238,000,000	Danameco	Việt Nam	Gói 10 miếng
21	4	Khẩu trang y tế phòng nhiễm khuẩn N95	Khẩu trang y tế phòng nhiễm khuẩn N95	Cái	8,000	14,650	117,200,000	Danameco	Việt Nam	Hộp 20 cái
		TỔNG CỘNG:				4 mặt hàng:	451,250,000			
	7	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DIỄN NIÊN								
22	1	Bơm tiêm insulin 6mm 100UI kim 31Gx0.25mm các thể tích 0,3ml và 1ml	BD Ultra-Fine Insulin Syringes 0.3ML 31GA 6MM 10BAG 500 AP	Cái/Cây	6,000	3,500	21,000,000	Becton Dickinson	Mỹ	100 Cây /Hộp
23	2	Bơm tiêm insulin 8mm 100UI kim 30G các thể tích 0,3ml và 1ml	BD Ultra-Fine Insulin Syringes 0.3ML 30GA 8MM 10BAG	Cái/Cây	6,000	2,850	17,100,000	Becton Dickinson	Mỹ	100 Cây /Hộp
24	3	Chỉ nylon 6/0 tam giác	DAFILON BLUE 6/0 (0,7) 45CM DS12 DDP	Tép	2,400	38,800	93,120,000	B.Braun	Tây Ban Nha	36 Tép/Hộp
25	4	Chỉ phẫu thuật VICRYL RAPIDE 4/0, dài 75cm, kim tam giác 16mm, 3/8C	NOVOSYN QUICK UNDY 4/0(1,5)70CM DS19MDDP	Tép	96	79,300	7,612,800	B.Braun	Tây Ban Nha	36 Tép/Hộp
26	5	MONOSYN VIOLET 6/0 70CM	MONOSYN VIOLET 6/0 (0,7) 70CM HR13(M)DDP	Tép	288	115,500	33,264,000	B.Braun	Tây Ban Nha	36 Tép/Hộp
27	6	MONOSYN VIOLET 5/0 70CM	MONOSYN VIOLET 5/0 (1) 70CM HR17 (M).RCP	Tép	288	77,900	22,435,200	B.Braun	Tây Ban Nha	36 Tép/Hộp
28	7	MONOSYN 3/0, 70CM	MONOSYN VIOLET 3/0 (2) 70CM HR22 (M) RCP	Tép	288	86,364	24,872,832	B.Braun	Tây Ban Nha	36 Tép/Hộp
29	8	DAFILON 3/0, 75CM	DAFILON BLUE 3/0 (2) 75CM DS24 DDP	Tép	288	21,100	6,076,800	B.Braun	Tây Ban Nha	36 Tép/Hộp
30	9	DAFILON 4/0, 75CM	DAFILON BLUE 4/0 (1,5) 75CM DS19 DDP	Tép	288	21,100	6,076,800	B.Braun	Tây Ban Nha	36 Tép/Hộp

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
31	10	Bộ trang phục chống dịch	Bộ phòng dịch	Cái/Bộ	300	75,000	22,500,000	Hạnh Minh	Việt Nam	1 Bộ
32	11	Test hóa học kiểm soát tiết trùng bằng hơi nước 3 thông số	1243 Test hóa học kiểm soát tiết trùng bằng hơi nước	Test	50,000	3,600	180,000,000	3M	Mỹ	Gói 500 Test
33	12	Băng keo chỉ thị hấp ướt	1322-12MM Băng keo chỉ thị nhiệt	Cuộn	10	98,000	980,000	3M	Canada	Gói 1 Cuộn
34	13	Test kiểm soát tiết trùng bằng hơi nước 2 thông số	1250 Test kiểm soát tiết trùng bằng hơi nước	Miếng/Que	6,000	2,600	15,600,000	3M	Mỹ	Hộp 240 Que
TỔNG CỘNG:						13 mặt hàng:	450,638,432			
	8	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỈNH VIỆT								
35	1	Túi hấp tiết trùng 50mmx200m	Túi hấp tiết trùng 50mmx200m	Cuộn	16	170,000	2,720,000	CROSS PROTECTI ON (M) SDN BHD	MALAY SIA	1cuộn/ bao
36	2	Túi hấp tiết trùng 75mmx200m	Túi hấp tiết trùng 75mmx200m	Cuộn	20	250,000	5,000,000	CROSS PROTECTI ON (M) SDN BHD	MALAY SIA	1cuộn/ bao
37	3	Túi hấp tiết trùng 100mmx200m	Túi hấp tiết trùng 100mmx200m	Cuộn	30	284,000	8,520,000	CROSS PROTECTI ON (M) SDN BHD	MALAY SIA	1cuộn/ bao
38	4	Túi hấp tiết trùng 200mmx200m	Túi hấp tiết trùng 200mmx200m	Cuộn	120	559,000	67,080,000	CROSS PROTECTI ON (M) SDN BHD	MALAY SIA	1cuộn/ bao
39	5	Túi hấp tiết trùng 350mmx200m	Túi hấp tiết trùng 350mmx200m	Cuộn	60	919,000	55,140,000	CROSS PROTECTI ON (M) SDN BHD	MALAY SIA	1cuộn/ bao
40	6	Túi hấp tiết trùng 75mmx20mmx100m	Túi hấp tiết trùng 75mmx100m	Cuộn	5	285,000	1,425,000	CROSS PROTECTI ON (M) SDN BHD	MALAY SIA	1cuộn/ bao

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
41	7	Túi hấp diệt trùng 300mmx55mmx100m	Túi hấp diệt trùng 300mmx100m	Cuộn	10	819,000	8,190,000	CROSS PROTECTI ON (M) SDN BHD	MALAY SIA	1 cuộn/ bao
42	8	Túi hấp diệt trùng 350mmx55mmx100m	Túi hấp diệt trùng 350mmx100m	Cuộn	10	919,000	9,190,000	CROSS PROTECTI ON (M) SDN BHD	MALAY SIA	1 cuộn/ bao
43	9	Túi Tivek 200mmx70m	Túi hấp diệt trùng Tyvek 200mm x 70m	Cuộn	10	1,850,000	18,500,000	CROSS PROTECTI ON (M) SDN BHD	MALAY SIA	1 cuộn/ bao
44	10	Túi Tivek 300mmx70m	Túi hấp diệt trùng Tyvek 300mm x 70m	Cuộn	10	2,500,000	25,000,000	CROSS PROTECTI ON (M) SDN BHD	MALAY SIA	1 cuộn/ bao
		TỔNG CỘNG:				10 mặt hàng:	200,765,000			
	9	CÔNG TY TNHH GIA LONG PHÁT								
45	1	Hóa chất chuẩn kiểm tra mức bất thường	control plasma path	Lọ	4	441,000	1,764,000	Media ivd s.r.l	Ý	Lọ 1ml
46	2	Hóa chất chuẩn kiểm tra mức bình thường	Control Plasma Normal	Lọ	4	441,000	1,764,000	Media ivd s.r.l	Ý	Lọ 1ml
47	3	Chất thử chẩn đoán PT trong máu bệnh nhân	PT ISI 1	Hộp	50	4,672,500	233,625,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 5x4ml + 1x20ml
48	4	Hóa chất xét nghiệm đông máu APTT	APTT acid ellagic	Hộp	36	4,672,500	168,210,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 5x4ml + 1x20ml
49	5	Hóa xét nghiệm định lượng Fibrinogen trong máu	Fibrinogen	Hộp	36	4,777,500	171,990,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 5x2 +1x1 + 1x1 ml
50	6	Cuvet đông máu	Micro cuvettes mixer in bag	Hộp	20	2,950,500	59,010,000	Dutch	Hà Lan	Hộp 500 cái

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
51	7	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin Direct (Bilirubin trực tiếp/ Bilirubin liên hợp)	Bilirubin Direct	Hộp	60	1,344,000	80,640,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 5 lọ R1 95 ml + 1 lọ R2 24 ml
52	8	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin Total	Bilirubin Total	Hộp	60	1,344,000	80,640,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 5 lọ R1 95 ml + 1 lọ R2 24 ml
53	9	Hóa chất xét nghiệm Creatinine (Suy thận)	Creatinine	Hộp	36	1,648,500	59,346,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 3 lọ R1 100 ml + 3 lọ R2 100 ml + 4ml
54	10	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	Cholesterol	Hộp	24	1,291,500	30,996,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 6 lọ R1 50 ml
55	11	Hóa chất xét nghiệm GGT (men, gan, mật)	GAMMA GT	Hộp	60	1,029,000	61,740,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 5 lọ R1 40 ml + 1 lọ R2 50 ml
56	12	Hóa chất xét nghiệm Glucose	Glucose	Hộp	36	1,291,500	46,494,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 6 lọ R1 100 ml
57	13	Hóa chất xét nghiệm GOT/AST (men tế bào:gan, tim)	GOT-AST	Hộp	36	1,218,000	43,848,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 1 lọ R2 23ml + 5 lọ R1 45ml
58	14	Hóa chất xét nghiệm GPT/ALT (men gan)	ALT-GPT	Hộp	36	1,218,000	43,848,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 5 lọ R1 45ml + 1 lọ R2 23ml
59	15	Hóa chất xét nghiệm HDL Cholesterol	HDL Direct	Hộp	60	2,877,000	172,620,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 2 lọ R1 30 ml + 1 lọ R2 20 ml

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
60	16	Hóa chất xét nghiệm LDL Cholesterol	LDL Direct	Hộp	3	3,423,000	10,269,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 2 lọ R1 30 ml + 1 lọ R2 20 ml
61	17	Hóa chất xét nghiệm Total Protein (gồm: Albumin, Globulin)	Protein Total	Hộp	12	997,500	11,970,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 6 lọ R1 100 ml + 4ml
62	18	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides	Triglycerides	Hộp	36	2,520,000	90,720,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 6 lọ R1 50 ml + 1 lọ R3 4ml
63	19	Hóa chất xét nghiệm Urea	Urea UV	Hộp	60	1,270,500	76,230,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 5 lọ R1 40 ml + 1 lọ R2 50 ml + 4ml
64	20	Hóa chất xét nghiệm Acid Uric	Uric acid	Hộp	60	1,302,000	78,120,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 6 lọ R1 50 ml
65	21	Hóa chất xét nghiệm Albumin	Albumin	Hộp	12	1,396,500	16,758,000	Media ivd s.r.l	Ý	Hộp 6 lọ R1 100 ml + Std 4ml
66	22	Chất nội kiểm sinh hóa	Biocal	Lọ	12	493,500	5,922,000	Media ivd s.r.l	Ý	Lọ 3 ml
67	23	Chất nội kiểm sinh hóa mức 1	Precise Normal	Lọ	12	504,000	6,048,000	Media ivd s.r.l	Ý	Lọ 5ml
68	24	Chất nội kiểm sinh hóa mức 2	Precise Path	Lọ	12	504,000	6,048,000	Media ivd s.r.l	Ý	Lọ 5ml
69	25	Dung dịch rửa máy	Olympus Cleaning Solution	Can	12	1,984,500	23,814,000	Biorex Diagnostics	Anh	Can 2000 ml
70	26	Hóa chất pha loãng và phân tích máu	Cellpack DCL (DCL-300A)	Thùng	120	3,045,000	365,400,000	Sysmex	Singapore	Thùng 20L

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
71	27	Thuốc nhuộm huỳnh quang nhân xác định số lượng 4 nhóm bạch cầu	Fluorocell WDF	Hộp	1	42,325,500	42,325,500	Sysmex	Nhật Bản	Hộp 2x42ml
72	28	Chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo WNR	Fluorocell WRN	Hộp	3	9,240,000	27,720,000	Sysmex	Nhật Bản	2 x 82mL
73	29	Dung dịch Ly giải màng tế bào trên kênh WDF	Lysercell WDF (WDF - 210A)	Hộp	1	11,077,500	11,077,500	Sysmex	Singapor e	Hộp 5L
74	30	Dung dịch ly giải màng tế bào trên kênh đo WNR	Lysercell WRN (WRN - 210A)	Hộp	3	3,822,000	11,466,000	Sysmex	Singapor e	Hộp 5L
75	31	Dung dịch đo hemoglobin	Sulfolyser	Hộp	1	11,172,000	11,172,000	Sysmex	Nhật Bản	Hộp 2x1.5L
76	32	Mẫu chuẩn máy mức 1	XN Check L1	Hộp	100	3,570,000	357,000,000	Streck	Mỹ	Lọ 3ml
77	33	Mẫu chuẩn máy mức 2	XN check L2	Hộp	100	3,570,000	357,000,000	Streck	Mỹ	Lọ 3ml
78	34	Mẫu chuẩn máy mức 3	XN Check L3	Hộp	100	3,570,000	357,000,000	Streck	Mỹ	Lọ 3ml
79	35	Dung dịch rửa máy	Cellclean Auto (CCA-500A)	Hộp	12	2,940,000	35,280,000	Sysmex	Nhật Bản	Hộp 20 x 4ml
		TỔNG CỘNG:				35 mặt hàng:	3,157,875,000			
	10	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI								
80	1	Chi Polyglactin 910, 0/0 tròn	Chi phẫu thuật coated VICRYL 0 dài 90cm, kim tròn đầu tròn 40mm, 1/2C	Tép	96	87,822	8,430,912	Johnson & Johnson Medical GmbH	Đức	Hộp 12 tép

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
81	2	Chỉ Polyglactin 910, 2/0 tam giác	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 2/0 dài 75 cm, kim tam giác ngược 26mm, 3/8C	Tép	120	113,043	13,565,160	Ethicon, Inc.	Mexico	Hộp 24 tép
82	3	Chỉ Polyglactin 910, 2/0 tròn	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 2/0 dài 75cm, kim taper point plus 26mm, 1/2C	Tép	96	74,991	7,199,136	Johnson & Johnson Medical GmbH	Đức	Hộp 12 tép
83	4	Chỉ Polyglactin 910, 3/0 tam giác	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 3/0 dài 75cm không nhuộm, kim tam giác 26mm, 3/8C	Tép	240	100,569	24,136,560	Ethicon, Inc.	Mexico	Hộp 24 tép
84	5	Chỉ Polyglactin 910, 3/0 tròn	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 3/0 dài 75cm, kim taper point plus 26mm, 1/2C	Tép	96	67,389	6,469,344	Johnson & Johnson Medical GmbH	Đức	Hộp 12 tép
85	6	Chỉ Polyglactin 910, 4/0 tam giác	Chỉ phẫu thuật VICRYL 4/0, dài 75cm, kim tam giác 16mm, 3/8C	Tép	360	85,071	30,625,560	Ethicon, Inc.	Mexico	Hộp 24 tép
86	7	Chỉ Polyglactin 910, 5/0 tam giác	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 5/0 dài 45 cm không nhuộm, kim tam giác thuận 16mm, 3/8C	Tép	960	91,518	87,857,280	Ethicon, Inc.	Mexico	Hộp 24 tép
87	8	Chỉ Polyglactin 910, 6/0 tam giác	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 6/0 dài 45 cm không nhuộm, kim tam giác ngược 11mm, 3/8C	Tép	960	171,570	164,707,200	Ethicon, Inc.	Mexico	Hộp 24 tép
88	9	Chỉ phẫu thuật PDS II số 0, dài 70CM, kim tròn đầu tròn CT 40mm, 1/2 C	Chỉ phẫu thuật PDS II số 0, dài 70CM, kim tròn đầu tròn CT 40mm, 1/2C	Tép	192	139,230	26,732,160	Ethicon, Inc.	Mexico	Hộp 24 tép
89	10	Chỉ phẫu thuật PDS II số 2/0, dài 70cm, kim tròn đầu cắt 36mm, 1/2 C	Chỉ phẫu thuật PDS II số 2/0, dài 70cm, kim tròn đầu cắt 36mm, 1/2C	Tép	288	110,775	31,903,200	Ethicon, Inc.	Mexico	Hộp 36 tép
90	11	Chỉ phẫu thuật PDS II số 4/0, dài 70cm, kim tròn đầu tròn 17mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật PDS II số 4/0, dài 70cm, kim tròn đầu tròn 17mm, 3/8C	Tép	288	113,946	32,816,448	Ethicon, Inc.	Mexico	Hộp 36 tép

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
91	12	Chỉ phẫu thuật PDS II số 5/0, dài 70cm, kim tròn đầu tròn 13mm, 3/8 C	Chỉ phẫu thuật PDS II số 5/0, dài 70cm, kim tròn đầu tròn 13mm, 3/8C	Tép	288	116,676	33,602,688	Ethicon, Inc.	Mexico	Hộp 36 tép
92	13	Chỉ phẫu thuật PDS II số 6/0, dài 70cm, 2 kim tròn đầu cắt 13mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật PDS II số 6/0, dài 70cm, 2 kim tròn đầu cắt 13mm, 3/8C	Tép	108	185,241	20,006,028	Ethicon, Inc.	Mexico	Hộp 36 tép
93	14	Chỉ phẫu thuật PDS II số 7/0, dài 70cm, 2 kim tròn đầu tròn 9.3mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật PDS II số 7/0, dài 70cm, 2 kim tròn đầu tròn 9.3mm, 3/8C	Tép	192	304,941	58,548,672	Ethicon, Inc.	Mexico	Hộp 24 tép
94	15	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 2/0, dài 75cm, kim tròn đầu tròn 31mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 2/0, dài 75cm, kim tròn đầu tròn 31mm, 1/2C	Tép	96	109,242	10,487,232	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp 12 tép
95	16	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 4/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn 17mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 4/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn 17mm, 3/8C	Tép	288	127,155	36,620,640	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp 36 tép
96	17	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu cắt 13 mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu cắt 13 mm, 3/8C	Tép	96	166,887	16,021,152	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp 12 tép
97	18	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn Ethalloy 11mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn Ethalloy 11mm, 3/8C	Tép	96	146,853	14,097,888	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp 12 tép
98	19	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 7/0, 60cm, 2 kim tròn đầu tròn MultiPass 9.3mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 7/0, 60cm, 2 kim tròn đầu tròn MultiPass 9.3mm, 3/8C	Tép	96	213,444	20,490,624	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp 12 tép
99	20	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 5/0 dài 75cm, kim taper point plus 17mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 5/0 dài 75cm, kim taper point plus 17mm, 1/2C	Tép	96	103,110	9,898,560	Ethicon, Inc.	Mexico	Hộp 12 tép
		TỔNG CỘNG:				20 mặt hàng:	654,216,444			
	11	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ								

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
100	1	Băng keo cá nhân 2cm x 6cm	Urgo Durable 2cm x 6cm	Miếng	160,000	530	84,800,000	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Hộp 102 miếng/ Thùng 120 hộp
101	2	Băng keo lụa 2,5cm x 5m	Urgosyval 2.5cm x 5m (không hộp)	Cuộn	4,800	18,400	88,320,000	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Hộp 12 cuộn/ Thùng 45 hộp
102	3	Gạc lưới Lipido-colloid 15cm x 20cm	Urgotul 15cm x 20cm	Miếng	4,000	68,600	274,400,000	Laboratoires Urgo	Pháp	Hộp 10 miếng/ Thùng 14 hộp
103	4	Gel chăm sóc vết thương Zinc-hyaluronate	Curiosin 15g	Tuýp	300	142,000	42,600,000	Gedeon Richter Plc.	Hungary	Hộp 1 tuýp 15g/ Thùng 200 hộp
		TỔNG CỘNG:				4 mặt hàng:	490,120,000			
	12	CÔNG TY TNHH LAVICHEM SÀI GÒN								
104	1	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	ALFASEPT MEDGEL	Chai	500	73,500	36,750,000	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	Việt Nam	Chai/500ml
105	2	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	ALFASEPT MEDGEL	Can	300	630,000	189,000,000	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	Việt Nam	Can/5l
106	3	Dung dịch rửa tay và tắm sát khuẩn 4%	ALFASEPT CLEANSER 4	Chai	200	84,000	16,800,000	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	Việt Nam	Chai/500ml
107	4	Dung dịch rửa tay và tắm sát khuẩn 4%	ALFASEPT CLEANSER 4	Can	100	735,000	73,500,000	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	Việt Nam	Can/5l

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
108	5	BA90	MELAB Blood Agar Base + 5% Sheep Blood	Đĩa	3,000	21,000	63,000,000	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	Việt Nam	Hộp/10 đĩa
109	6	BHI Glycerol 20%	MELAB BHI Broth + 15% Glycerol	Tube	2,400	15,750	37,800,000	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	Việt Nam	Hộp/10 tube
110	7	Columbia Agar	COLUMBIA BLOOD AGAR BASE	Chai/500g	8	1,540,000	12,320,000	Oxoid	Anh	Chai/500g
111	8	Mueller Hinton Agar	Mueller Hinton Agar	Chai/500g	8	1,265,000	10,120,000	Oxoid	Anh	Chai/500g
		TỔNG CỘNG:				8 mặt hàng:	439,290,000			
	13	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI LIÊN KẾT QUỐC TẾ								
112	1	Anti-Hbe Calibrators	ARCHITECT Anti-HBe Calibrator	Hộp	20	2,407,860	48,157,200	Abbott GmbH & Co. KG	Đức	Hộp/1x4 ml
113	2	Anti-Hbe Controls	ARCHITECT Anti-HBe Controls	Hộp	20	2,088,450	41,769,000	Abbott GmbH & Co. KG	Đức	Hộp/2x8ml
114	3	Anti-Hbe Reagent kit	ARCHITECT Anti-HBe Reagent Kit	Hộp	20	5,891,970	117,839,400	Abbott GmbH	Đức	Hộp/100 test
115	4	Anti HBs Calibrators	ARCHITECT Anti-HBs Calibrators	Hộp	20	2,407,860	48,157,200	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	6 chai, 4ml/c hai
116	5	Anti HBs Controls	ARCHITECT Anti-HBs Controls	Hộp	20	2,088,450	41,769,000	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Hộp/3x8ml

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
117	6	Anti HBs Reagent kit	ARCHITECT Anti-HBs Reagent Kit	Hộp	20	4,388,265	87,765,300	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Hộp/100 test
118	7	HBeAg Calibrators	ARCHITECT HBeAg Calibrators	Hộp	20	2,407,860	48,157,200	Abbott GmbH & Co. KG	Đức	Hộp/2x4ml
119	8	HBeAg Controls	ARCHITECT HBeAg Controls	Hộp	20	2,088,450	41,769,000	Abbott GmbH & Co. KG	Đức	Hộp/2x8ml
120	9	HBeAg Reagent kit	ARCHITECT HBeAg Reagent Kit	Hộp	20	5,891,970	117,839,400	Abbott GmbH	Đức	Hộp/100 test
121	10	HBsAg Qualitative.Calibrators	ARCHITECT HBsAg Qualitative II Calibrators	Hộp	20	2,407,860	48,157,200	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Hộp/2x4ml
122	11	HBsAg Qualitative.Controls	ARCHITECT HBsAg Qualitative II Controls	Hộp	20	2,088,450	41,769,000	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Hộp/2x8m L
123	12	HBsAg Qualitative.Reagent kit	Architect HBsAg Qualitative II Reagent Kit	Hộp	20	4,262,895	85,257,900	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Hộp/100 test
124	13	Anti HCV Calibrators	ARCHITECT Anti-HCV Calibrator	Hộp	20	2,407,860	48,157,200	Abbott GmbH & Co. KG	Đức	Hộp/1x4ml
125	14	Anti HCV Controls	ARCHITECT Anti-HCV Controls	Hộp	20	2,088,450	41,769,000	Abbott GmbH & Co. KG	Đức	Hộp/2x8ml

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
126	15	Anti HCV Reagent kit	ARCHITECT Anti-HCV Reagent Kit	Hộp	20	11,906,685	238,133,700	Abbott GmbH & Co. KG	Đức	Hộp/100 test
127	16	Pre-Trigger Solution	ARCHITECT Pre-Trigger Solution	Thùng	12	3,333,225	39,998,700	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Hộp/4x975 ml
128	17	Probe conditioning solution	ARCHITECT Probe Conditioning Solution	Hộp	12	6,014,820	72,177,840	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Hộp/4x25 ml
129	18	Concentrated Wash Buffer	ARCHITECT Concentrated Wash Buffer	Thùng	12	1,181,510	14,178,120	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Hộp/4x975 ml
130	19	Septum	Architect Septum	Thùng	12	4,830,980	57,971,760	Abbott Laboratories Diagnostics Division	Mỹ	Hộp/200 pack
131	20	Reaction Vesels	Architect Reaction Vessels	Thùng	12	5,148,000	61,776,000	Abbott Laboratories Diagnostics Division	Mỹ	8x500 pieces
132	21	Trigger solution	ARCHITECT Trigger Solution	Thùng	12	1,378,440	16,541,280	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Hộp/4x975 ml
133	22	B.R.A.H.M.S PCT Reagent	Architect B-R-A-H-M-S PCT Reagent Kit	Hộp	20	18,908,400	378,168,000	Fisher Diagnostics	Mỹ	Hộp/100 test

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
134	23	B.R.A.H.M.S PCT Calibrators	Architect B-R-A-H-M-S PCT Calibrators	Hộp	20	4,422,600	88,452,000	Fisher Diagnostics	Mỹ	Hộp/6x2 ml
135	24	B.R.A.H.M.S PCT Controls	Architect B-R-A-H-M-S PCT Controls	Hộp	20	2,948,400	58,968,000	Fisher Diagnostics	Mỹ	Hộp/6x3 ml
136	25	ARC.Syphilis TP Calibrators	ARCHITECT Syphilis TP Calibrator	Hộp	20	2,407,860	48,157,200	Abbott GmbH	Đức	Hộp/1x4ml
137	26	ARC.Syphilis TP Controls	ARCHITECT Syphilis TP Controls	Hộp	20	2,088,450	41,769,000	Abbott GmbH	Đức	Hộp/2x8ml
138	27	ARC.Syphil TP Reagent kit	ARCHITECT Syphilis TP Reagent Kit	Hộp	20	5,641,335	112,826,700	Abbott GmbH	Đức	Hộp/100 test
139	28	ARC.replacement caps	Architect Replacement Caps	Hộp	12	1,184,040	14,208,480	Abbott Laboratories Diagnostics Division	Mỹ	Hộp/100 cái
140	29	ARC.sample cups	Architect Sample Cups	Hộp	12	577,610	6,931,320	Abbott Laboratories Diagnostics Division	Mỹ	Thùng/4x2 50
141	30	ARC.Manual Diluent	Architect Manual Diluent	Hộp	12	877,170	10,526,040	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Hộp/100ml
142	31	ARC.trigger solution	ARCHITECT Trigger Solution	Hộp	2	1,378,440	2,756,880	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Hộp/4x975 ml

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
143	32	Technopath MCC - Multichem IA Plus Tri-Level (Assayed)	Multichem IA Plus	Hộp	12	2,464,455	29,573,460	Techno-path Manufacturing Limited	Ireland	Hộp/12x5 ml
144	33	ARC.Cortisol Calibrators	ARCHITECT Cortisol Calibrators	Hộp	12	2,407,860	28,894,320	Fisher Diagnostics	Mỹ	Hộp/6x4ml
145	34	ARC.Total BHCG Calibrators	ARCHITECT TOTAL β -hCG Calibrators	Hộp	6	2,432,190	14,593,140	Abbott Ireland Diagnostics Division (Longford)	Ireland	Hộp/6x4m L
146	35	ARC.Total BHCG Controls	ARCHITECT TOTAL β -hCG Controls	Hộp	6	2,108,486	12,650,916	Abbott Ireland Diagnostics Division (Longford)	Ireland	Hộp/3x8ml
147	36	ARC.Total BHCG Reagent kit	Architect Total β -hCG Reagent Kit	Hộp	12	6,205,442	74,465,304	Abbott Ireland Diagnostics Division (Longford)	Ireland	Hộp/100 test
148	37	ARC.Cortisol Reagent kit	ARCHITECT Cortisol Reagent Kit	Hộp	12	8,648,640	103,783,680	Fisher Diagnostics	Mỹ	Hộp/100 test
		TỔNG CỘNG:				37 mặt hàng:	2,385,834,840			
	14	CÔNG TY TNHH TM-DV KỸ THUẬT LỤC TỈNH								
149	1	Test nhanh xét nghiệm HIV	Alere Determine HIV 1/2	Test	12,000	40,162	481,944,000	Alere/Abbot t	Nhật	100 test/hộp
150	2	Test nhanh xét nghiệm Syphilis	Alere Determine Syphilis TP	Test	3,000	26,250	78,750,000	Alere/Abbot t	Nhật	100 test/hộp
		TỔNG CỘNG:				2 mặt hàng:	560,694,000			
	15	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MAI VIỆT ANH								

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
151	1	Dung dịch rửa tay và tắm sát khuẩn 2%	Dung dịch sát khuẩn ngoài da APM 2	Chai 500L	600	73,920	44,352,000	Công ty cổ phần đầu tư y tế An Phú	Việt Nam	Thùng/ 20 chai
152	2	Dung dịch rửa tay và tắm sát khuẩn 2%	Dung dịch sát khuẩn ngoài da APM 2	Can 5L	200	663,600	132,720,000	Công ty cổ phần đầu tư y tế An Phú	Việt Nam	Thùng/ 4 can
153	3	Gạc tắm cồn	Bông gạc tắm cồn Alcohol Pad	Miếng	8,000	140	1,120,000	Wuxi Medical Instrument Factory	Trung Quốc	Hộp/ 100 miếng
154	4	Găng kiểm tra dùng trong y tế các size	Găng tay khám MVA Glove	Đôi	300,000	2,580	774,000,000	Top Glove Sdn Bhd	Malaysia	Hộp/ 50 đôi
155	5	Ống lấy máu kháng đông EDTA	Ống nghiệm EDTA (K2) nắp cao su	Ống	120,000	1,000	120,000,000	Công ty cổ phần đầu tư y tế An Phú	Việt Nam	Hộp/ 100 ống
		TỔNG CỘNG:				5 mặt hàng:	1,072,192,000			
	16	CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA								
156	1	Găng phẫu thuật tiết trùng các số (đủ số 6,5;7;7,5;8 hay tương đương)	Găng phẫu thuật tiết trùng số 6,5;7;7,5;8	Đôi	58,000	4,515	261,870,000	Merufa	Việt Nam	50 đôi/hộp 300 đôi/thùng
157	2	Găng phẫu thuật chưa tiết trùng	Găng phẫu thuật chưa tiết trùng	Đôi	10,000	3,780	37,800,000	Merufa	Việt Nam	100 đôi/hộp 600 đôi/thùng
		TỔNG CỘNG:				2 mặt hàng:	299,670,000			
	17	CÔNG TY TNHH MTV NGÔI SAO Y TẾ								
158	1	Hóa chất làm sạch dụng cụ bong tróc biofilm gồm 6 Enzym	Sanicleaner Instrument P	CAN	40	3,963,000	158,520,000	SANISWIS S	THỤY SĨ	CAN 5L
159	2	hóa chất xịt khử khuẩn bề mặt	Sanitizer surface S2	CHAI	100	172,000	17,200,000	SANISWIS S	THỤY SĨ	CHAI 750ML

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
160	3	Hóa chất ngâm bong tróc rỉ sét dụng cụ	Sanicleaner Instrument Rust	CHAI	50	1,390,000	69,500,000	SANISWIS S	THỤY SĨ	CHAI 1 LÍT
161	4	Khăn giấy lau khử khuẩn bề mặt	Cliinicept hard surface Wipes có hoặc không chứa cồn	GÓI	200	172,000	34,400,000	CLINICEPT HEALTHCARE	Trung Quốc	GÓI/100 MIẾNG
162	5	Hóa chất cho máy rửa dụng cụ có Enzyme	Saniclean Instrument W	CAN	100	3,950,000	395,000,000	SANISWIS S	THỤY SĨ	CAN 5L
163	6	Hóa chất làm bong tróc và khô dụng cụ dùng cho máy rửa	Sanicleaner Instruments R	CAN	100	2,565,000	256,500,000	SANISWIS S	THỤY SĨ	CAN 5L
		TỔNG CỘNG:				6 mặt hàng:	931,120,000			
	18	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC SỰ SỐNG								
164	1	Ống PCR 0.2ml nắp phẳng	Tube PCR 0.2ml nắp phẳng	Ống	12,000	870	10,440,000	Biologix	Trung Quốc	Gói/ 1000 cái
165	2	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP	11ml vacuum tube for PRP	Bộ	750	2,300,000	1,725,000,000	Estar Technologies Ltd.	Israel	Hộp/ 1Bộ
		TỔNG CỘNG:				2 mặt hàng:	1,735,440,000			
	19	CÔNG TY TNHH SG PHARMA								
166	1	viên ngâm khử khuẩn bề mặt nhiễm khuẩn, tường, sàn	Biospot	Hộp	300	448,000	134,400,000	Hydrachem	Anh	Hộp 100 V
		TỔNG CỘNG:				1 mặt hàng:	134,400,000			
	20	CÔNG TY TNHH SINH NAM								
167	1	Lưỡi dao cắt lạnh MX35	Lưỡi dao cắt tiêu bản MX35 Ultra	Hộp	12	3,740,000	44,880,000	KAI Industries Co.,Ltd/ Richard - Allan Scientific LLC	Nhật	Hộp/ 50 cái

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
168	2	Cassette nhựa có nắp	Khuôn đúc mẫu mô	Thùng	5	5,800,000	29,000,000	Richard - Allan Scientific LLC	Trung Quốc	Thùng/ 1000 cái
169	3	Bộ hóa chất nhuộm PAP	Bộ hóa chất nhuộm PAP	Bộ	8	2,371,600	18,972,800	Richard - Allan Scientific LLC	Mỹ	Bộ/ 3x473ml
170	4	Eosin Y 0,05% (dung dịch)	Thuốc nhuộm tiêu bản Eosin Y	Chai	5	847,000	4,235,000	Richard - Allan Scientific LLC	Mỹ	Hộp/ 4x473ml
171	5	Hematoxyclin	Thuốc nhuộm tiêu bản Hematoxylin 7211	Chai/ 473ml	20	847,000	16,940,000	Richard - Allan Scientific LLC	Mỹ	Hộp/ 4x473ml
172	6	Keo dán lam	Chất gắn tiêu bản Mounting Medium	Hộp	5	4,455,000	22,275,000	Richard - Allan Scientific LLC	Mỹ	Hộp/ 6x118ml
173	7	Sáp paraffin tinh khiết	Paraffin Type 6/ Sáp Paraffin để cố định mẫu	Thùng	6	3,564,000	21,384,000	Richard - Allan Scientific LLC	Mỹ	Thùng/ 10x0,9kg
174	8	Formalin đậm trung tính 10%	Chất cố định tiêu bản Formalin, pha loãng trung tính 10%	Thùng	12	2,750,000	33,000,000	Richard - Allan Scientific LLC	Mỹ	Thùng/ 4x5lít
175	9	Dung dịch cắt lạnh	Chất nền phủ mẫu Cryomatrix	Chai	8	432,300	3,458,400	Richard - Allan Scientific LLC	Mỹ	Hộp/ 4x120ml
176	10	Chất thay thế xylen không độc Clear-Rite 3	Clear – Rite 3/ Chất xử lý tế bào Clearant, Clear-Rite 3	Thùng	10	7,370,000	73,700,000	Richard - Allan Scientific LLC	Mỹ	Thùng/ 4x3,8 lít

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
		TỔNG CỘNG:				10 mặt hàng:	267,845,200			
	21	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH								
177	1	Áo phẫu thuật	Áo phẫu thuật	Cái	3,000	15,540	46,620,000	Thời Thanh Bình	Việt Nam	1 Cái/gói
178	2	Bao giày phẫu thuật	Bao giày tiệt trùng	Đôi	4,000	1,760	7,040,000	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Gói/1Đôi
179	3	Săng trải mổ tiệt trùng 80x120cm	Khăn phẫu thuật 80 x 120cm	Miếng	25,000	4,725	118,125,000	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Gói/1 Miếng
180	4	Khẩu trang giấy 3 lớp không tiệt trùng	Khẩu trang y tế Fami med thun đeo tai 3 lớp	Cái	300,000	500	150,000,000	Thời Thanh Bình	Việt Nam	50 Cái/Hộp
181	5	Nón phẫu thuật	Nón phẫu thuật - xếp	Cái	12,000	735	8,820,000	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Gói/1Cái
182	6	Bao NYLON bọc cần đốt điện	Bao dây camera	Cái	1,000	6,300	6,300,000	Thời Thanh Bình	Việt Nam	1 Cái/gói
183	7	Đề lưỡi bằng gỗ đã tiệt trùng 150x20 x2 (mm)	Đề lưỡi gỗ tiệt trùng	Cái	80,000	258	20,640,000	Lạc Việt	Việt Nam	1 cái/gói Hộp 100 cái
184	8	Que phết tế bào âm đạo	Que phết tế bào âm đạo	Cái	4,000	630	2,520,000	Lạc Việt	Việt Nam	Hộp/100 cái
185	9	Hộp petri 90mm nhựa	Petri nhựa 90mm	Đĩa	9,000	1,562	14,058,000	Minh Đạt	Việt Nam	20 đĩa/gói
186	10	Lọ bệnh phẩm nắp đỏ (Dung tích 50ml)	Lọ sinh phẩm - PS	Cái	30,000	1,056	31,680,000	Minh Đạt	Việt Nam	100 lọ/bịch
187	11	Ống nghiệm 5cc có nắp	Ống nghiệm 5ml có nắp	Cái	18,000	319	5,742,000	Minh Đạt	Việt Nam	500 ống/bịch
188	12	Miếng cầm máu mũi các loại, các cỡ	Miếng cầm máu mũi Sidacel 80x20x15mm	Miếng	100	92,400	9,240,000	Sidapharm	Hy Lạp	10 miếng/hộp
		TỔNG CỘNG:				12 mặt hàng:	420,785,000			
	22	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRẦN DANH								
189	1	Assayed Chemistry Premium Plus Level 2 (Hum Asy Control 2) (Nội kiểm Sinh hóa mức 2)	Assayed Chemistry Premium Plus Level 2 (Hum Asy Control 2) (Nội kiểm Sinh hóa mức 2)	Hộp	2	7,245,000	14,490,000	Randox	Anh	20 x 5 ml

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
190	2	Assayed Chemistry Premium Plus Level 3 (Hum Asy Control 3) (Nội kiểm Sinh hóa mức 3)	Assayed Chemistry Premium Plus Level 3 (Hum Asy Control 3) (Nội kiểm Sinh hóa mức 3)	Hộp	2	7,245,000	14,490,000	Randox	Anh	20 x 5 ml
191	3	RIQAS Coagulation (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Đông Máu)	RIQAS Coagulation (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Đông Máu)	Hộp	2	6,655,000	13,310,000	Randox	Anh	Hộp/6 x 1 ml
192	4	RIQAS Monthly Haematology (CTNK Huyết Học)	RIQAS Monthly Haematology (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Huyết Học)	Hộp	4	3,740,000	14,960,000	Randox	Anh	Hộp/3 x 2 ml
193	5	RIQAS Urinalysis (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Niệu)	RIQAS Urinalysis (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Niệu)	Hộp	2	8,365,000	16,730,000	Randox	Anh	Hộp/3 x 12 ml
194	6	Clinical Chemistry Calibration Serum Level 2 (Calib Sinh hóa mức 2)	Clinical Chemistry Calibration Serum Level 2 (Calib Sinh hóa mức 2)	Hộp	2	7,875,000	15,750,000	Randox	Anh	20 x 5ml
195	7	Clinical Chemistry Calibration Serum Level 3 (Calib Sinh hóa mức 3)	Clinical Chemistry Calibration Serum Level 3 (Calib Sinh hóa mức 3)	Hộp	2	7,875,000	15,750,000	Randox	Anh	20 x 5ml
196	8	Urinalysis Control Level 1 (Urinal Control 1) (Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 1)	Urinalysis Control Level 1 (Urinal Control 1) (Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 1)	Hộp	2	5,070,000	10,140,000	Randox	Anh	12 x 12 ml
197	9	Urinalysis Control Level 2 (Urinal Control 2) (Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 2)	Urinalysis Control Level 2 (Urinal Control 2) (Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 2)	Hộp	2	5,070,000	10,140,000	Randox	Anh	12 x 12 ml
198	10	RIQAS Monthly General Clinical Chemistry (Chương trình Ngoại kiểm Sinh Hóa)	RIQAS Monthly General Clinical Chemistry (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Sinh Hóa)	Hộp	2	7,280,000	14,560,000	Randox	Anh	Hộp/6 x 5 ml
		TỔNG CỘNG:				10 mặt hàng:	140,320,000			
	23	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM								

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
199	1	Bơm tiêm 10cc, kim 23G	BƠM TIÊM MPV 10ml	Cái	90,000	950	85,500,000	MPV	Việt Nam	Hộp 100 cái x12 hộp/thùng
200	2	Bơm tiêm 1cc+ kim (có núm bơm trong bơm tiêm)	BƠM TIÊM MPV 1ml	Cái	8,000	655	5,240,000	MPV	Việt Nam	Hộp 100 cái x42 hộp/thùng
201	3	Bơm tiêm 3cc + kim	BƠM TIÊM MPV 3ml	Cái	12,000	655	7,860,000	MPV	Việt Nam	Hộp 100 Cái x30 hộp/thùng
202	4	Bơm tiêm 5cc + kim các số	BƠM TIÊM MPV 5ml	Cái	300,000	665	199,500,000	MPV	Việt Nam	Hộp 100 cái x20 hộp/thùng
203	5	Mặt nạ thở oxy	MẶT NẠ THỞ OXY MPV	Bộ	100	11,900	1,190,000	MPV	Việt Nam	Túi 1 bộ x 100 túi/thùng
204	6	Dây thở oxy	DÂY THỞ OXY SƠ SINH, TRẺ EM, NGƯỜI LỚN ECO	Bộ	1,200	4,150	4,980,000	MPV	Việt Nam	Túi 1 bộ x500 túi/thùng
205	7	Ống hút dịch phẫu thuật	DÂY HÚT DỊCH PHẪU THUẬT MPV	Cái	200	8,500	1,700,000	MPV	Việt Nam	Túi 1 cái x 200 túi/thùng
206	8	Dây hút nhót	DÂY HÚT DỊCH MPV	Cái	100	2,650	265,000	MPV	Việt Nam	Túi 20 cái x25 túi/thùng
207	9	Bộ dây truyền dịch kim 2 cánh bướm	BỘ DÂY TRUYỀN DỊCH MPV	Bộ	5,000	4,450	22,250,000	MPV	Việt Nam	Túi 1 bộ x500 bộ/thùng

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
208	10	Mỏ vệt nhựa tiết trùng các số	MỎ VỊT MPV	Cái	12,000	3,450	41,400,000	MPV	Việt Nam	Túi 1 cái x250 cái/thùng
209	11	Ống lấy máu kháng đông Heparin	Ống nghiệm lấy máu Lithium Heparin MPV	Ống	120,000	645	77,400,000	MPV	Việt Nam	100 ống x1 khay, 2400 ống/thùng
210	12	Ống lấy máu Citrate xét nghiệm đông máu	Ống nghiệm lấy máu ESR Sodium Citrate 3.8% MPV	Ống	7,700	645	4,966,500	MPV	Việt Nam	100 ống x1 khay, 2400 ống/thùng
		TỔNG CỘNG:					12 mặt hàng: 452,251,500			
	24	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT VIỆT HUY								
211	1	Bộ kit chẩn đoán vi khuẩn lao bằng Realtime PCR	MTB Real-TM	Test	500	210,000	105,000,000	Sacace	Ý	Bộ/ 50 test
212	2	Bộ kit phát hiện 22 type Human Papillomavirus bằng kỹ thuật Real-time PCR	Realquality RQ-HPV HR/LR Multiplex	Test	3,300	534,000	1,762,200,000	AB Analitica	Ý	Bộ/ 100 test
213	3	Bộ kit phát hiện 7 tác nhân STD	REALQUALITY RQ-SevenSTI	Test	2,000	536,040	1,072,080,000	AB Analitica	Ý	Bộ/ 100 test
214	4	Bộ kit phát hiện và phân loại Herpes simplex virus type 1/2 bằng kỹ thuật Realtime PCR	HSV 1/2 Typing Real-TM	Test	900	220,000	198,000,000	Sacace	Ý	Bộ/100 test
215	5	Bộ kit tách chiết DNA virus, vi khuẩn STD	SaMag STD DNA Extraction kit	Test	6,576	154,000	1,012,704,000	Sacace	Ý	Bộ/ 48 test
216	6	Bộ kit tách chiết DNA vi khuẩn Lao (MTB)	SaMag TB DNA Extraction kit	Test	900	212,300	191,070,000	Sacace	Ý	Bộ/ 48 test
		TỔNG CỘNG:					6 mặt hàng: 4,341,054,000			
	25	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC								

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
217	1	Anti A	ANTI-A (ABO1)	Lọ	10	133,245	1,332,450	Diagast	Pháp	Hộp 5x10ml
218	2	Anti B	ANTI-B (ABO2)	Lọ	10	133,245	1,332,450	Diagast	Pháp	Hộp 5x10ml
219	3	Anti D (Anti RH)	ANTI-D (RH1) TOTEM	Lọ	10	214,410	2,144,100	Diagast	Pháp	Hộp 100x10ml
220	4	RPR	RPR Test kit	Test	160,000	2,310	369,600,000	Lab 21	Anh	Hộp 500 test
221	5	Test nhanh xét nghiệm Chlamydia	Humasis Chlamydia Test	Test	7,800	52,395	408,681,000	Humasis	Hàn Quốc	Hộp 25 Test
222	6	Test nhanh xét nghiệm HIV	Humasis HIV 1/2 Card	Test	4,000	30,450	121,800,000	Humasis	Hàn Quốc	Hộp 30 Test
223	7	Test nhanh xét nghiệm HIV	Humasis HIV 1/2 Card	Test	4,000	30,450	121,800,000	Humasis	Hàn Quốc	Hộp 30 Test
224	8	TPHA	TPHA Test kit	Test	30,000	11,970	359,100,000	Lab 21	Anh	Hộp 200 test
225	9	Kít ứng dụng kỹ thuật Elisa phát hiện kháng thể IgG kháng giun đũa chó (Toxocara canis)	TOXOCARA CANIS IgG	Test	6,912	57,435	396,990,720	Novatec	Đức	Hộp/ 96 Test
226	10	Kít ứng dụng kỹ thuật Elisa phát hiện kháng thể IgG kháng giun lươn (Strongyloides stercoratis)	Strongyloides	Test	6,912	58,485	404,248,320	Novatec	Đức	Hộp/ 96 Test
227	11	Kít ứng dụng kỹ thuật Elisa phát hiện kháng thể IgG kháng sán dãi heo (Taenia solium)	TAENIA SOLIUM IgG	Test	4,608	57,435	264,660,480	Novatec	Đức	Hộp/ 96 Test
228	12	Kít ứng dụng kỹ thuật Elisa phát hiện kháng thể IgG kháng sán lá gan lớn (Fasciola spp)	AccuElis Fasciola	Test	4,608	47,985	221,114,880	Khoa Thương	Việt Nam	Hộp/ 96 Test
229	13	Kít ứng dụng kỹ thuật Elisa phát hiện kháng thể IgG kháng giun đầu gai (Gnathostoma spinigerum)	AccuElis Gnathostoma spinigerum	Test	4,608	47,985	221,114,880	Khoa Thương	Việt Nam	Hộp/ 96 Test

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
230	14	Liquinox	Liquinox	Chai	1	2,427,915	2,427,915	Diasorin	Mỹ	Chai 950 ml
231	15	QConnect Blue	Qconnect Blue	Hộp	3	25,002,915	75,008,745	Diamex	Đức	Hộp 2 x 5 mL PC + 2x5ml NC
232	16	TIPS 300ul	TIPS 300ul	Cái	50,000	4,305	215,250,000	Diasorin	Đức	960 cái hộp
233	17	TIPS 1100ul	TIPS 1100ul	Cái	30,720	5,775	177,408,000	Diasorin	Đức	960 cái hộp
234	18	Compact StackPack Tubes	Plastic tubes 5 ml 75x12	Cái	4,000	6,090	24,360,000	Diasorin	Đức	Hộp 500 cái
235	19	Chai nhôm Gram A	Gram Reagent A Safranin	Chai	3	23,622,900	70,868,700	Elitech	Mỹ	Chai 210ml
236	20	Chai nhôm Gram B	Gram Reagent B Iodine	Chai	15	9,342,900	140,143,500	Elitech	Mỹ	Chai 500ml
237	21	Chai nhôm Gram C	Gram Reagent C Crystal	Chai	15	9,342,900	140,143,500	Elitech	Mỹ	Chai 500ml
238	22	Gram Control	Gram Control Slides	Hộp	3	10,350,900	31,052,700	Elitech	Mỹ	Hộp 50 lam
239	23	Dung dịch rửa máy	Nozzle Clean Solution Concentrate	Hộp	1	4,499,985	4,499,985	Elitech	Mỹ	Chai 250ml
240	24	ENTEROtest 24N	ENTEROtest 24N	Hộp	25	5,182,065	129,551,625	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 40Tests
241	25	STREPTOtest 24	STREPTOtest 24	Hộp	25	6,377,700	159,442,500	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 40Tests
242	26	EN-COCCUStest	EN-COCCUStest	Hộp	15	1,592,955	23,894,325	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36Tests

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
243	27	NEFERMtest 24	NEFERMtest 24	Hộp	15	4,384,590	65,768,850	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 40Tests
244	28	STAPHYtest 24	STAPHYtest 24	Hộp	25	4,384,590	109,614,750	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 40Tests
245	29	Oftest	Oftest	Hộp	15	5,182,065	77,730,975	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 288Tests
246	30	NEISSERIAtest	NEISSERIAtest	Hộp	15	1,993,110	29,896,650	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36Tests
247	31	Suspenzni medium pro NEISSERIAtest	Suspenzni medium pro NEISSERIAtest	Hộp	30	717,150	21,514,500	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 18 x 1.8ml (18 test)
248	32	ENTERO-Screen	ENTERO-Screen	Hộp	12	1,592,955	19,115,460	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36Tests
249	33	ENTERO-Rapid 24	ENTERO-Rapid 24	Hộp	12	6,775,965	81,311,580	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 40Tests
250	34	CANDIDAtest 21	CANDIDAtest 21	Hộp	12	11,479,545	137,754,540	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 20Tests
251	35	CANDIDA-Screen	CANDIDA-Screen	Hộp	12	5,182,065	62,184,780	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36Tests
252	36	ANAEROTest 23	ANAEROTest 23	Hộp	12	5,182,065	62,184,780	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 40Tests
253	37	Suspenzni medium pro STREPTOTest 24	Suspenzni medium pro STREPTOTest 24	Hộp	12	1,195,635	14,347,620	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 20 x 1ml (20 test)

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
254	38	Suspenzni medium pro ANAERObtest 23	Suspenzni medium pro ANAERObtest 23	Hộp	12	1,195,635	14,347,620	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 20 x 4ml (20 test)
255	39	Cinidlo pro test ACETOIN	Cinidlo pro test ACETOIN	Hộp	12	1,355,130	16,261,560	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 1.8g, 2 x 18ml (90 test)
256	40	Cinidlo pro test PHENYLALANIN	Cinidlo pro test PHENYLALANIN	Hộp	12	637,980	7,655,760	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 18ml (230 test)
257	41	PARAFINOVY OLEJ STERILIZOVANY	PARAFINOVY OLEJ STERILIZOVANY	Hộp	30	876,645	26,299,350	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 3x 18ml (370 test)
258	42	Cinidlo pro test INDOL	Cinidlo pro test INDOL	Hộp	12	717,150	8,605,800	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 18ml (630 test)
259	43	Cinidlo pro test FOSFATAZA	Cinidlo pro test FOSFATAZA	Hộp	12	717,150	8,605,800	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 18ml (250 test)
260	44	Cinidlo pro test PYR	Cinidlo pro test PYR	Hộp	12	2,072,385	24,868,620	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 2x 9ml (800 test)
261	45	MIC Amikacin	MIC Amikacin	Hộp	5	1,423,380	7,116,900	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 252 test (7 x 36 Test)
262	46	MIC Ampicillin	MIC Ampicillin	Hộp	5	1,772,085	8,860,425	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests
263	47	MIC Ampicillin/Sulbacta	MIC Ampicillin/Sulbacta	Hộp	5	1,718,115	8,590,575	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests
264	48	MIC Cefepime	MIC Cefepime	Hộp	5	1,505,805	7,529,025	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói
265	49	MIC Ceftazidime	MIC Ceftazidime	Hộp	5	1,546,965	7,734,825	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests
266	50	MIC Cefuroxime	MIC Cefuroxime	Hộp	5	1,756,650	8,783,250	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests
267	51	MIC Ciprofloxacin	MIC Ciprofloxacin	Hộp	5	1,477,245	7,386,225	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests
268	52	MIC Clindamycin	MIC Clindamycin	Hộp	5	2,051,490	10,257,450	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests
269	53	MIC Colistin	MIC Colistin	Hộp	5	1,521,975	7,609,875	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests
270	54	MIC Ertapenem	MIC Ertapenem	Hộp	5	1,407,945	7,039,725	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests
271	55	MIC Gentamicin	MIC Gentamicin	Hộp	5	2,051,490	10,257,450	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests
272	56	MIC Imipenem	MIC Imipenem	Hộp	5	1,718,115	8,590,575	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests
273	57	MIC Linezolid	MIC Linezolid	Hộp	5	1,972,215	9,861,075	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests
274	58	MIC Meropenem	MIC Meropenem	Hộp	5	1,561,980	7,809,900	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests
275	59	MIC Nitrofurantoin	MIC Nitrofurantoin	Hộp	5	1,756,650	8,783,250	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests
276	60	MIC Penicillin	MIC Penicillin	Hộp	5	1,469,580	7,347,900	Erba Lachema s.r.o	Séc	Hộp 36 Tests

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất
277	61	MIC Piperacillin/Tazoba	MIC Piperacillin/Tazoba	Hộp	5	1,544,970	7,724,850	Erba Lachema s.r.o	Séc
278	62	MIC Teicoplanin	MIC Teicoplanin	Hộp	5	1,692,810	8,464,050	Erba Lachema s.r.o	Séc
279	63	MIC Tigecycline	MIC Tigecycline	Hộp	5	1,513,575	7,567,875	Erba Lachema s.r.o	Séc
280	64	MIC Trimethoprim/Sulfa	MIC Trimethoprim/Sulfamethoxazole	Hộp	5	1,469,580	7,347,900	Erba Lachema s.r.o	Séc
281	65	MIC Vancomycin	MIC Vancomycin	Hộp	5	1,941,450	9,707,250	Erba Lachema s.r.o	Séc
282	66	Suspensni medium MIC	Suspensni medium MIC	Hộp	10	2,590,455	25,904,550	Erba Lachema s.r.o	Séc
283	67	Suspensni medium MIC G+	Suspensni medium MIC G+	Hộp	10	2,819,250	28,192,500	Erba Lachema s.r.o	Séc
		TỔNG CỘNG:				67 mặt hàng:	5,104,507,170		
	26	CÔNG TY TNHH XUÂN VY							
284	1	Ống Serum	Ống nghiệm lấy máu URI/URN-20750414	Ống	80,000	657	52,560,000	Wembley	Việt Nam
		TỔNG CỘNG:				1 mặt hàng:	52,560,000		
	27	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT VIETLAB							
285	1	Đầu col xanh không khóa 200- 1000 µl	1000µl Universal Grad tip, Blue	Cái	143	320	45,760	Accumax	Ấn Độ
286	2	Đầu côn có lọc các kích cỡ (10ul,20ul,100ul,200ul,1.000ul)	Đầu tip bằng nhựa dùng để hút mẫu (10ul/ 20ul/ 100ul/ 200ul/ 1000ul)	Cái	50,000	1,979	98,950,000	Benoy	Trung Quốc
287	3	ống quay ly tâm 1.5ml	1.5ml MicroTube	ống	12,000	500	6,000,000	Extragene	Đài Loan

STT	STT CTY	Tên hàng hóa trong HSMT	Tên thương mại dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề nghị trúng thầu	Thành tiền	Nhà sản xuất	Nước sản xuất
288	4	Đĩa giấy kháng sinh các loại	Đĩa giấy kháng sinh các loại	Đĩa	12,000	1,810	21,720,000	Liofilchem	Ý
289	5	EMB Agar	E.M.B. LEVINE Agar	Chai/500 g	3	1,437,200	4,311,600	Liofilchem	Ý
290	6	Mannitol salt phenol red agar	Mannitol SALT Agar	Chai	5	680,600	3,403,000	Liofilchem	Ý
291	7	Nutrient Agar	NUTRIENT Agar	Chai/500 g	5	1,516,000	7,580,000	Liofilchem	Ý
292	8	Oxydase	Oxidase Test DISCS	Đĩa	100	27,270	2,727,000	Liofilchem	Ý
		TỔNG CỘNG:				8 mặt hàng:	144,737,360		

Tổng cộng mặt hàng : 292 mặt hàng.

Tổng nhà thầu trúng thầu : 27 nhà thầu.

Tổng tiền trúng thầu : 34,148,669,446 đồng

Số tiền bằng chữ : Ba mươi bốn tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi chín ngàn, bốn trăm bốn mươi sáu đồng